

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 01 /2019/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 30 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số mức chi cho hoạt động tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật và
Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 165/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định một số mức chi cho hoạt động tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng (sau đây gọi chung là các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, gồm:

a) Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn tỉnh;

b) Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng toàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân có công trình, giải pháp, đề tài khoa học công nghệ được xét tặng và nhận giải thưởng tại các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật;

b) Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh, các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tham gia tổ chức, xét tặng giải thưởng tại các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức hoạt động của các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật được bảo đảm từ các nguồn:

1. Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách cấp tỉnh được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm;

2. Nguồn kinh phí khác, gồm: Kinh phí tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác huy động từ các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Điều 3. Nội dung và mức chi

1. Chi giải thưởng cho các tổ chức, cá nhân có các công trình, giải pháp, đề tài đoạt giải thưởng tại các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật theo các mức chi như sau:

a) Đối với Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn tỉnh:

STT	Nội dung	Giá trị giải thưởng
1	Giải nhất	20 triệu đồng/giải
2	Giải nhì	16 triệu đồng/giải
3	Giải ba	12 triệu đồng/giải
4	Giải khuyến khích	4 triệu đồng/giải

b) Đối với Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng toàn tỉnh:

STT	Nội dung	Giá trị giải thưởng
1	Giải đặc biệt	8 triệu đồng/giải
2	Giải nhất	6 triệu đồng/giải
3	Giải nhì	4 triệu đồng/giải
4	Giải ba	3 triệu đồng/giải
5	Giải khuyến khích	2 triệu đồng/giải

c) Số lượng các giải thưởng quy định tại điểm a, điểm b Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Thể lệ (hoặc Điều lệ) tổ chức các cuộc thi, hội thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Chi tổ chức xét chọn và chấm giải thưởng:

a) Thuê chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm công trình, giải pháp, đề tài dự thi: 750.000 đồng/công trình, giải pháp, đề tài.

b) Hợp Hội đồng giám khảo:

- Chủ tịch Hội đồng: 250.000 đồng/người/buổi;
- Ủy viên, thư ký: 150.000 đồng/người/buổi.

3. Chi thù lao đối với thành viên Ban Tổ chức và Ban Thư ký trong thời gian tổ chức hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- Ban Tổ chức: 150.000 đồng/người/tháng;
- Ban Thư ký: 100.000 đồng/người/tháng.

(Thời gian được tính chi tiền thù lao bắt đầu kể từ ngày Kế hoạch tổ chức hội thi, cuộc thi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trường hợp, tổng số lượng ngày trong 01 tháng ≤ 15 ngày thì thanh toán 1/2 tháng; trường hợp, tổng số lượng ngày trong 01 tháng lớn hơn 15 ngày và ≤ 30 ngày thì thanh toán đủ 01 tháng).

Điều 4. Lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2019.

Những nội dung không quy định tại Quyết định này áp dụng theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành liên quan.

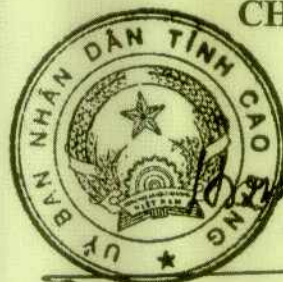
Điều 6. Trách nhiệm thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *L*

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các CV;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh